|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Use Case number:** | 6 | | | **Use Case Name:** | Quản lý bán hàng | | | **Actor (s):** | Nhân viên lập hóa đơn | | | **Priority:** | Phải có | | | **Description:** | Nhân viên bán hàng có thể nhập thông tin sản phẩm vào hóa đơn để tính tiền và in hóa đơn. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | 1. Nhân viên bán hàng chọn chức năng “Hóa đơn”. |  | |  | 2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm và tính năng. | | 3. Nhân viên nhấn vào tính năng tạo mới hóa đơn và nhập thông tin cho hóa đơn.  **A1, A2** |  | |  | 4. Hệ thống tạo hóa đơn.  **E1** | | 5. Nhân viên thêm sản phẩm và số lượng vào hóa đơn.  **A3** |  | |  | 6. Hệ thống tính tổng tiền.  **E2** | | 7. Nhân viên bán hàng làm xong hóa đơn và nhấn vào tính năng in hóa đơn. |  | |  | 8. Hệ thống lấy thông tin hóa đơn để in ra và lưu trữ thông tin hóa đơn. | | **Alternative Paths:** | A1 Người dùng có thể chọn tính năng sửa thông tin hóa đơn.  A2 Người dùng có thể chọn tính năng xóa hóa đơn.  A3 Người dùng có thể thêm nhiều sản phẩm hoặc dừng lại để in hóa đơn. | | | **Exception Paths:** | E1 Nếu các khung điền: số lượng, mã khuyến mãi sai thì hệ thống sẽ hiện thị thông báo lý do.  Số lượng là do nhập quá số lượng, ít hơn 0 và khác kiểu số thực.  Mã khuyến mãi phải có trong thời hạn khuyến mãi, nếu sai sẽ thông báo khuyến mãi không hợp lệ. | | | **Triggers:** | Người dùng muốn lập một hóa đơn cho khách hàng. | | | **Preconditions:** | Tài khoản phải có sẵn và có quyền quản lý hóa đơn.  Có kết nối tới database. | | | **Post Conditions:** | Tạo xong, cập nhật thông tin hóa đơn. | | | **Business Rules:** | 1. Xóa hóa đơn khi và chỉ khi hóa đơn đang trống.  2. Không thể xóa hay sửa các hóa đơn váo các ngày trước.  3. Trong một ngày người dùng có thể chỉnh sửa, tạo mới hay xóa hóa đơn.  4. Mã hóa đơn, tổng tiền, tiền khuyến mãi đều phải do hệ thống tính. | | | **Activity Diagram:** | | | | **Non – Functional Requiretment:** |  | | | **Author(s):** |  | | | **Date:** |  | | |